TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** *********	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *********
Số: 164/2018/QĐST - HNGĐ	*Chương Mỹ, ngày 19 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 157/2018/TLST–HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: **Anh ĐVT**, sinh năm 1984
Cư trú tại: xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

- Bị đơn: **Chị ĐTTL, sinh năm 1988**
Cư trú tại: xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

Căn cứ các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **11** tháng **7** năm **2018**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **11** tháng **7** năm **2018** là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh ĐVT và Chị ĐTTL.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh ĐVT và Chị ĐTTL thống nhất vợ chồng có **01** con chung là cháu ĐMĐ sinh ngày 06/2/2017.

Giao cháu ĐMĐ sinh ngày 06/2/2017 cho Chị ĐTTL trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác.

Anh ĐVT có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh ĐVT phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung (cháu ĐMĐ) số tiền là **2.000.000** đồng/tháng cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định khác.

2.3. Về tài sản chung; công nợ chung; công sức: Không giải quyết

2.4. Về Án phí: Anh ĐVT tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn là **150.000** đồng và **150.000** đồng án phí dân sự về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Anh ĐVT đã nộp **300.000** đồng tiền tạm ứng án phí *(theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2015/0003402 ngày 29 tháng 5 năm 2018)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Long